TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ** Bản án số:239/2026/HNGĐ-ST Ngày: 18 - 8 - 2026 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Bỉnh;
2. Ông: Nguyễn Văn Hóa.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kiều Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2026/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Ngọc N**, sinh năm 2007.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: **Trần Thanh T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp N (Nay là ấp N) xã T, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Dương Ngọc N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Trần Thanh T (Sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2025, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vẫn không đoàn tụ được, nên sống ly thân. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có một người con chung tên Trần Chí T1 (N1), sinh ngày 27 tháng 7 năm 2025. Từ khi ly thân đến nay con chung do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị chưa yêu cầu chồng chị cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp Ly hôn và nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thanh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Dương Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2025, đến ngày 08 tháng 9 năm 2025 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh T trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về đời sống hôn nhân với chị N, đều đó chứng minh anh T cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân hiện tại. Trong khi đó, quá trình giải quyết, chị N xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Có một người con chung, anh chị không tranh chấp về quyền nuôi con. Xét con chung do chị N nuôi dưỡng từ khi hai người sống ly thân. Chị N có yêu cầu nuôi con chung, hiện tại con chung chưa được 36 tháng tuổi,

nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của con chung, cần tiếp tục giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh T có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh T mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền kiện cho các đương sự thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban T2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Dương Ngọc N và Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Chí T1 (N2), sinh ngày 27 tháng 7 năm 2025 cho Dương Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh T có yêu cầu khác.

Trần Thanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Trần Thanh T mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Dương Ngọc N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008920, ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 34, Điều

36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14;
- UBND xã Nguyễn Phích, t.Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm